

- Vũ Khắc Liên, Thứ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, ủy viên.

Điều 2.- Ban Chỉ đạo Phòng, chống lụt, bão Trung ương có nhiệm vụ giúp Chính phủ:

- Đôn đốc, kiểm tra các ngành, các địa phương lập và thực hiện các phương án, kế hoạch công tác phòng, chống lụt, bão hàng năm.

- Ra lệnh điều động nhân lực, phương tiện để ứng cứu kịp thời những tình huống cấp bách vượt quá khả năng xử lý của ngành và địa phương.

- Chỉ đạo các địa phương tổ chức khắc phục hậu quả do lũ, bão gây ra.

- Tổ chức tổng kết công tác phòng, chống lụt, bão, phổ biến các kinh nghiệm và các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong công tác phòng, chống lụt, bão cho các ngành và địa phương.

Điều 3.- Nhiệm vụ của các Phó Trưởng ban và các ủy viên trong Ban do Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng, chống lụt, bão Trung ương phân công.

Điều 4.- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 349-TTg ngày 10-6-1995 về việc bổ sung thành viên Ban Chỉ đạo Phòng, chống lụt, bão Trung ương.

Điều 5.- Trưởng ban Ban Chỉ đạo Phòng, chống lụt, bão Trung ương, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các thành viên trong Ban Chỉ đạo Phòng, chống lụt, bão Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

TÀI CHÍNH - LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

THÔNG TƯ liên Bộ số 5-LB/TC/
LĐTĐ ngày 16-1-1996 hướng
dẫn chế độ tài chính về đưa
người lao động đi làm việc có
thời hạn ở nước ngoài theo

Nghị định số 7-CP ngày 20-1-1995 của Chính phủ.

Căn cứ Nghị định số 7-CP ngày 20-1-1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Bộ Luật Lao động về đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, liên Bộ Tài chính - Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn cụ thể một số chế độ tài chính như sau:

A. CÁC QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM, QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC KINH TẾ

I. Tiền đặt cọc

1. Đối với người lao động:

Người lao động phải nộp cho tổ chức kinh tế đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài một khoản tiền đặt cọc nhằm bảo đảm thực hiện hợp đồng.

2. Đối với tổ chức kinh tế:

Thu và quản lý tiền đặt cọc của người lao động có thể thực hiện một lần hoặc trích dần từ tiền lương hàng tháng và được hạch toán là khoản "phải trả" để đảm bảo hoàn trả đúng hạn.

Mức và thể thức đặt cọc do tổ chức kinh tế và người lao động thỏa thuận, nhưng không quá tiền một lượt vé máy bay đưa người lao động từ Việt Nam đến nơi làm việc ở nước ngoài và phải được ghi rõ trong hợp đồng lao động đi làm việc ở nước ngoài mà người lao động ký với tổ chức kinh tế đưa đi.

Trong vòng 1 tháng kể từ ngày người lao động hoàn thành hợp đồng về nước hoặc do chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không gây thiệt hại về kinh tế cho tổ chức kinh tế thì tổ chức kinh tế phải hoàn trả lại cho người lao động khoản tiền đặt cọc cộng với lãi tiền gửi không kỳ hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Trường hợp người lao động vi phạm hợp đồng lao động, gây thiệt hại về kinh tế cho tổ chức kinh tế thì tổ chức kinh tế được quyền khấu trừ tiền đặt cọc và lãi tiền gửi (nếu có) của người lao động theo đúng chế độ bồi thường vật chất, nhưng phải thông báo công khai cho người lao động biết rõ lý do và mức phải trừ.

Sau khi kết thúc hợp đồng lao động, nếu người lao động chưa về nước thì chưa được nhận lại tiền đặt cọc, tổ chức kinh tế có trách nhiệm tiếp tục quản lý khoản tiền này theo quy định tại phần A,

mục I, điểm 2 để chờ xử lý theo pháp luật hiện hành của Nhà nước.

II. Bảo hiểm xã hội

1. Trong thời gian làm việc ở nước ngoài, người lao động được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội của nước đến làm việc theo thỏa thuận cụ thể ghi trong hợp đồng, đây là một trong những điều kiện mà tổ chức kinh tế khi ký kết hợp đồng với bên sử dụng lao động nước ngoài phải đạt được nhằm bảo đảm quyền lợi cho người lao động từ khi họ làm thủ tục xuất cảnh rời khỏi Việt Nam đến khi họ hoàn thành hợp đồng trở về nước.

2. Trong thời gian làm việc ở nước ngoài, người lao động phải đóng bảo hiểm xã hội cho Bảo hiểm xã hội Việt Nam để được hưởng các chế độ hưu trí, tử tuất.

Mức đóng bảo hiểm xã hội tạm thời thực hiện hàng tháng bằng 15% của 2 lần tiền lương tối thiểu do Chính phủ Việt Nam quy định cho từng thời kỳ.

3. Tổ chức kinh tế có trách nhiệm khi trả lương hàng tháng cho người lao động thì trích lại tiền bảo hiểm xã hội và hạch toán riêng khoản đóng bảo hiểm xã hội của từng người lao động để có cơ sở ghi vào sổ bảo hiểm xã hội theo quy định của cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Trường hợp người lao động không lĩnh lương hàng tháng, hoặc việc chi trả lương không thông qua tổ chức kinh tế thì việc thu bảo hiểm xã hội thực hiện với các hình thức thích hợp theo thỏa thuận giữa người lao động và tổ chức kinh tế cho cả hợp đồng.

III. Phí dịch vụ

1. Đối với tổ chức kinh tế:

Phí dịch vụ là doanh thu để tính thuế dịch vụ công ích của tổ chức kinh tế và dùng để chi phí cho bộ máy hoạt động cung ứng lao động; chi phí tuyển chọn; khám sức khỏe; bồi dưỡng và kiểm tra tay nghề; bồi dưỡng ngoại ngữ; giáo dục tập huấn trước khi đi; quản lý lao động ở trong và ngoài nước; làm các thủ tục hồ sơ từ cấp huyện (quận) trở lên có liên quan đến xuất cảnh và nhập cảnh, chuyển trả người lao động về cơ sở trước khi đi.

Tổ chức kinh tế đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài được phép thu của người lao động một khoản phí dịch vụ tối đa không quá 12% thu nhập theo hợp đồng mà bên sử dụng lao động trả cho người lao động không bao gồm tiền ăn, ở và tiền bảo hiểm tại chỗ trong thời gian làm việc ở nước ngoài. Trong từng hợp đồng cụ thể,

nếu thu nhập có tính cả chi phí ăn, ở và tiền bảo hiểm trong thời gian làm việc ở nước ngoài thì phí dịch vụ mà tổ chức kinh tế được phép thu tối đa không quá 8% thu nhập đó.

Tỷ lệ thu phí dịch vụ của tổ chức kinh tế được trích sau khi trừ khỏi thu nhập hàng tháng các khoản sau đây:

- Tiền vé máy bay 1 lượt hoặc khứ hồi từ Việt Nam đến nước làm việc mà hợp đồng ghi rõ là người lao động phải chịu, giá vé được xác định theo giá đã mua với hành trình hợp lý (không bao gồm cước hành lý).

- Các khoản phải nộp cho nước đến làm việc theo luật nước đó (nếu có).

Các khoản được tính trừ khỏi thu nhập hàng tháng để thu phí dịch vụ nói trên được xác định bằng cách lấy tổng giá trị tính trừ chia đều cho số tháng của cả thời gian làm việc ghi trong hợp đồng.

Ngoài khoản phí dịch vụ nói trên, tổ chức kinh tế không được thu thêm bất kỳ một khoản phí nào khác của người lao động.

Nhằm tăng cường trách nhiệm của người lao động, khi đến đăng ký xin đi làm việc ở nước ngoài, tổ chức kinh tế được phép tạm thu trước một khoản chi phí bảo đảm vừa đủ cho các nội dung công việc sau đây (mức thu không quá 1 triệu đồng Việt Nam):

- Khám tuyến sức khỏe theo mức quy định của Bộ Y tế.

- Kiểm tra ngoại ngữ, tay nghề (kể cả kinh phí phải bồi dưỡng đào tạo lại theo yêu cầu của hợp đồng lao động) với mức chi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các chi phí có liên quan đến làm hồ sơ, thủ tục xuất cảnh từ khâu huyện, quận trở lên cho người lao động.

- Các chi phí có liên quan đến tập huấn, huấn luyện trước khi đi.

Khoản chi phí đã tạm thu trước của người lao động nói trên, tổ chức kinh tế có trách nhiệm hoàn trả lại khi ký hợp đồng chính thức với người lao động trước khi họ đi ra nước ngoài (theo quy định tại mục II, điểm 2, tiết c Thông tư hướng dẫn số 20-LDTBXH ngày 3-8-1995 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội). Trường hợp không thực hiện được hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài, nếu do người lao động (không có nhu cầu nữa, hoặc không đủ các điều kiện quy định trong hợp đồng) thì người lao động phải chịu phần chi phí tính theo từng nội dung công việc cụ thể mà tổ chức kinh tế đã thực hiện; nếu hợp

đồng không thực hiện được do tổ chức kinh tế thì tổ chức kinh tế phải chịu chi phí và hoàn trả lại ngay số tiền đã tạm thu cho người lao động.

2. Đối với người lao động:

- Có nghĩa vụ nộp phí dịch vụ hàng tháng đồng thời với mỗi kỳ lĩnh lương cho tổ chức kinh tế theo mức quy định tại mục 1 trên đây.

- Trong trường hợp người lao động không thực hiện lĩnh lương hàng tháng hoặc tổ chức kinh tế không có điều kiện thu phí dịch vụ do người lao động nhận lương trực tiếp từ bên thuê lao động ở nước ngoài, thì người lao động có trách nhiệm thực hiện nộp phí dịch vụ theo phương thức đã thỏa thuận giữa người lao động và tổ chức kinh tế.

IV. Thuế thu nhập cao

Người lao động có trách nhiệm nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao ngày 19-5-1994. Nghị định số 5-CP ngày 20-1-1995 của Chính phủ, Thông tư hướng dẫn số 27-TC/TCT ngày 30-3-1995 của Bộ Tài chính.

Đối với các cá nhân làm việc tại các nước đã ký Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần với Việt Nam thì thực hiện theo các nội dung của Hiệp định ký với từng nước cụ thể và Công văn hướng dẫn thực hiện Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần số 1664-TCT/HTQT ngày 11-10-1994 của Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính.

1. Thu nhập chịu thuế:

Do tính chất đặc thù của đối tượng nộp thuế thu nhập cao là người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo từng hợp đồng cụ thể, nên thu nhập chịu thuế thu nhập cao được xác định như sau:

a) Thu nhập thuộc diện chịu thuế là thu nhập được ghi rõ trong hợp đồng mà bên sử dụng lao động ở nước ngoài chi trả hàng tháng toàn bộ tiền lương cho người lao động để họ tự lo liệu các chi phí về ăn, ở, đi lại, tiền bảo hiểm và các chi phí khác trong suốt thời gian làm việc theo hợp đồng. Trường hợp bên sử dụng lao động chỉ bao đảm một phần chi phí về ăn, ở, đi lại và bảo hiểm xã hội, thì phần chi phí còn lại được tính trừ khỏi thu nhập ghi trong hợp đồng để tính thu nhập ròng theo quy định tại điểm b dưới đây.

b) Nếu theo hợp đồng mà bên sử dụng lao động chỉ trả cho người lao động một phần tiền lương (thu nhập ròng) không bao gồm chi phí về ăn, ở và tiền bảo hiểm trong thời gian làm việc ở nước ngoài thì các khoản chi phí này được ấn định bằng số tiền thu nhập ròng (hay nói cách khác

bằng khoảng 50% tổng thu nhập) để tính tổng thu nhập chịu thuế.

c) Các khoản được tính trừ để xác định thu nhập chịu thuế là các khoản được tính trừ khỏi thu nhập hàng tháng khi tính phí dịch vụ quy định tại mục III điểm 1 của Thông tư này (không trừ thuế thu nhập cao đã nộp ở nước đến làm việc, nếu có).

d) Trong các hợp đồng lao động với nước ngoài thì thu nhập hàng tháng của người lao động được ổn định cho cả hợp đồng, do đó thu nhập hàng tháng chính là thu nhập chịu thuế bình quân các tháng trong năm.

2. Thuế suất thuế thu nhập cao:

Theo Điều 10 mục 2 của Pháp lệnh Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao ngày 19-5-1994 thì người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài thực hiện theo biểu thuế lũy tiến từng phần và thuế thu nhập được tính toán theo Bảng hướng dẫn sau:

Đơn vị: 1.000 đồng

Bậc	Thu nhập bình quân tháng người	Thuế suất	Số thuế phải nộp
1	đến 5.000	0%	0
2	Trên 5.000 đến 12.000	10%	TNCT x 10% - 500
3	Trên 12.000 đến 30.000	20%	TNCT x 20% - 1.700
4	Trên 30.000 đến 50.000	30%	TNCT x 30% - 4.700
5	Trên 50.000 đến 70.000	40%	TNCT x 40% - 9.700
6	Trên 70.000	50%	TNCT x 50% - 16.700

Trong đó: TNCT: Thu nhập chịu thuế.

(x): Dấu nhân

(-): Dấu trừ

3. Ví dụ tính thu nhập chịu thuế và thuế thu nhập cao:

a) Ví dụ 1:

Chuyên gia y tế Nguyễn Văn A đi làm việc tại Angola thời hạn 3 năm, trong hợp đồng lao động mà anh A đã ký ghi rõ tổng thu nhập là 1.000 USD/tháng. Các chuyên gia Việt Nam phải tự túc tiền vé máy bay cả 2 lượt đi và về là 1.600 USD và phải chịu chi phí về ăn, ở, đi lại, bảo hiểm v.v... trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.

Thu nhập chịu thuế và thuế thu nhập cao đối với anh Nguyễn Văn A được tính như sau:

- Tiền vé máy bay phân bổ đều hàng tháng theo thời hạn hợp đồng là:

1.600 USD: 36 tháng = 44,44 USD/tháng

- Thu nhập để tính thuế là:

$$1.000 \text{ USD} - 44,44 \text{ USD} = 955,56 \text{ USD/tháng}$$

Quy tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá 11.000 đ/USD là 10.511.160 đ/tháng

- Thuế thu nhập cao 1 tháng là:

$$10.511.160 \text{ đ} \times 10\% - 500.000 \text{ đ} = 551.116 \text{ đ}$$

đồng tương đương 50,10 USD (551.116: 11.000).

Đối với Angola là nước chưa ký Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần, nhưng nếu người lao động xuất trình được chứng từ nộp thuế thu nhập hàng tháng ở nước đó giả định là 30USD (quy tiền Việt Nam theo tỷ giá 11.000 đ/USD là 330.000đ) thì số thuế còn phải nộp ở Việt Nam là 221.116đ (551.116đ - 330.000 đ). Trường hợp thuế giả định đã nộp ở nước ngoài cao hơn mức thuế phải nộp trong nước (50,10 USD) thì người lao động được miễn thuế thu nhập cao ở Việt Nam.

b) Ví dụ 2:

Anh Trần Văn B ký hợp đồng lao động đi làm việc tại nước X với thời hạn 1 năm, trong hợp đồng ghi rõ người lao động được trả thu nhập ròng hàng tháng là 350 USD và được bên sử dụng lao động bao đảm cho các chi phí về tiền ăn, ở và tiền bảo hiểm trong thời gian làm việc theo hợp đồng.

Thu nhập chịu thuế và thuế thu nhập cao đối với anh B được tính như sau:

- Thu nhập chịu thuế nói ở điểm 1, tiết b mục này là: $350 \text{ USD} + 350 \text{ USD} = 700 \text{ USD/tháng}$.

- Anh B phải tự túc 1 lượt vé máy bay từ Việt Nam đến nước X tính theo hành trình hợp lý là 360 USD, phân bổ cho cả hợp đồng 12 tháng là 30 USD/tháng.

- Theo quy định của hợp đồng, các chi phí quản lý lao động ở nước ngoài đã bị khấu trừ từ thu nhập hàng tháng của người lao động trước khi trả thu nhập cho người lao động là 20 USD/tháng.

- Thu nhập thực tế còn lại để tính thuế là:

$$700 \text{ USD} - (30 \text{ USD} + 20 \text{ USD}) = 650 \text{ USD/tháng}$$

Quy tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá 11.000 đ/USD là 7.150.000 đ/tháng

- Thuế thu nhập anh B phải nộp 1 tháng là: $7.150.000 \text{ đ} \times 10\% - 500.000 \text{ đ} = 215.000 \text{ đ}$ tương đương 19,5 USD (215.000: 11.000)

Đối với nước X là nước đã ký Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần với Việt Nam, theo Điều 15, Điều 23 của Hiệp định và Công văn hướng dẫn thực

hiện Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần số 1664-TCT/HTQT ngày 11-10-1994 của Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính thì người lao động phải nộp thuế thu nhập ở cả 2 nước. Trường hợp giả định họ đã nộp thuế thu nhập cao tại nước X là 10 USD (quy tiền đồng Việt Nam theo tỷ giá 11.000đ/USD là 110.000 đồng) và có chứng từ hóa đơn hợp lệ thì số thuế còn phải nộp tại Việt Nam là 105.000 đồng; nếu giả định số thuế đã nộp ở nước X cao hơn số thuế phải nộp ở trong nước (19,5 USD) thì người lao động được miễn thuế thu nhập cao ở Việt Nam.

Trường hợp anh Trần Văn B được hưởng tiền lương ghi trong hợp đồng nói trên, nhưng bản thân anh B phải tự chịu chi phí hai bữa ăn sáng và tối, tự mua bảo hiểm y tế, các khoản chi phí này tại nước X là 110 USD thì thu nhập chịu thuế của anh B tính như sau:

- Thu nhập ròng của anh B là:

$$240 \text{ USD} (350 \text{ USD} - 110 \text{ USD})$$

- Thu nhập chịu thuế là:

$$(240 \text{ USD} + 240 \text{ USD}) - (30 \text{ USD} + 20 \text{ USD}) = 430 \text{ USD}$$

Quy đồng Việt Nam theo tỷ giá 11.000 đ/USD là 4.730.000 đồng, theo mức thuế suất quy định trên đây thì anh B không thuộc diện đóng thuế thu nhập cao.

V. Lệ phí cấp phép

1. Mức thu:

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được phép thu và quản lý 2 loại lệ phí: lệ phí cấp phép hoạt động và lệ phí cấp phép thực hiện hợp đồng.

Tổ chức kinh tế khi nhận giấy phép hoạt động phải nộp tiền lệ phí bằng đồng Việt Nam tương đương với 2.000 USD và khi nhận giấy phép thực hiện hợp đồng phải nộp tiền lệ phí bằng đồng Việt Nam tương đương với 5 USD người tính theo số lượng đã ghi trong hợp đồng cho Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Quản lý lao động với nước ngoài).

Tổ chức kinh tế được hạch toán cả 2 khoản tiền lệ phí vào chi phí kinh doanh của hoạt động cung ứng lao động

2. Chế độ quản lý:

Việc thu và quản lý lệ phí cấp phép được thực hiện theo đúng chế độ quản lý phí và lệ phí hiện hành của Nhà nước. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Quản lý lao động với nước ngoài) lập kế hoạch chi tiêu theo các danh mục gửi Bộ

Tài chính xét duyệt và được thông báo trong kế hoạch thu chi chung hàng năm của Bộ theo hình thức ấn định tỷ lệ được trích trên tổng số lệ phí cấp phép thu được, tỷ lệ này ấn định từ 1 đến 2 năm, danh mục chi tiêu cụ thể từ nguồn thu này là:

- Chi cho công tác tổ chức thẩm định tư cách pháp nhân cũng như các điều kiện cần thiết của một doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, để có cơ sở cấp giấy phép hoạt động.

- Chi cho công tác thẩm định các hợp đồng và các điều kiện khả thi của hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, để có cơ sở căn cứ cấp giấy phép thực hiện hợp đồng.

- Các chi phí để mở thị trường mới, các hoạt động Marketing, mạng lưới cộng tác viên ở một số khu vực có nhu cầu tiếp nhận lao động Việt Nam.

- Các chi phí khác phát sinh cần thiết phải chi trong lĩnh vực quản lý Nhà nước đối với một ngành kinh tế đối ngoại đặc thù mà chế độ chính sách tài chính hiện hành của Nhà nước chưa lượng hóa được đầy đủ.

VI. Về tổ chức thu nộp bảo hiểm xã hội, thuế thu nhập cao và phí dịch vụ

1. Tổ chức kinh tế là tổ chức ủy nhiệm thu phải chủ động đăng ký kê khai với cơ quan Thuế địa phương nơi đăng ký nộp, thuế môn bài (hoặc đăng ký trụ sở cơ quan) để được hướng dẫn về thủ tục, nghiệp vụ nhằm bảo đảm thu nộp thuế theo luật định. Hàng tháng, khi thực hiện chi trả lương cho người lao động, tổ chức kinh tế có trách nhiệm thu nộp tiền bảo hiểm xã hội, thuế thu nhập cao và phí dịch vụ, trường hợp bên sử dụng lao động ở nước ngoài trực tiếp trả lương hàng tháng cho người lao động thì việc tổ chức thu nộp được thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

- Thỏa thuận với các tổ chức sử dụng lao động ở nước ngoài để hàng tháng họ trích lại 3 khoản: bảo hiểm xã hội, thuế thu nhập cao và phí dịch vụ trước khi trả lương cho người lao động (theo mức tính toán sẵn của tổ chức kinh tế Việt Nam) và chuyển nộp vào một tài khoản theo quy định của tổ chức kinh tế để chuyển về nước.

- Thông qua Văn phòng đại diện (hoặc cán bộ đại diện được ủy quyền) tổ chức thu nộp hàng tháng dưới các hình thức thích hợp phù hợp với tình hình, đặc điểm của từng nước và từng hợp đồng cụ thể.

2. Do tính chất đặc thù của lĩnh vực đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước

ngoài là các nguồn thu đều phát sinh ở nước ngoài, nên tổ chức ủy nhiệm thu là tổ chức kinh tế trực tiếp quản lý người lao động làm đâu mỗi tập trung nguồn thu cho Nhà nước đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo luật định và được hưởng khoản thù lao ủy nhiệm thu về thu bảo hiểm xã hội, thuế thu nhập cao bằng 0,5% số tiền thực thu được.

Định kỳ hàng tháng, chậm nhất là ngày 10 tháng sau, tổ chức kinh tế phải nộp số tiền đã thu được về bảo hiểm xã hội và thuế thu nhập cao theo hướng dẫn của cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ quan thu thuế cùng cấp, số tiền được trích 0,5% thực hiện đồng thời với mỗi lần làm thủ tục nộp tiền.

VII. Chế độ báo cáo

1. Chế độ lập phiếu theo dõi và lập chứng từ ghi sổ kế toán:

Ngoài các quy định chung về chế độ kế toán Nhà nước theo hướng dẫn của cơ quan Tài chính, cơ quan Bảo hiểm xã hội và cơ quan Thuế địa phương, với trách nhiệm là tổ chức ủy nhiệm thu cho Nhà nước và là cơ quan quản lý trực tiếp người lao động, tổ chức kinh tế phải làm các thủ tục sau:

- Lập phiếu (hoặc sổ) theo dõi tình hình thu nhập và thu nộp hàng tháng của từng người lao động để có cơ sở căn cứ đối chiếu sau khi kết thúc hợp đồng và giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động.

- Phiếu theo dõi được lập thành 2 bản: 1 bản tổ chức kinh tế giữ để lưu cùng hồ sơ của người lao động làm cơ sở căn cứ lập các báo cáo tài chính, 1 bản người lao động (hoặc người được ủy quyền) giữ để xuất trình và ký nhận mỗi khi có liên hệ với tổ chức kinh tế.

2. Chế độ báo cáo theo định kỳ:

- Định kỳ hàng quý, tổ chức kinh tế phải nộp bản báo cáo tình hình thực hiện các khoản thu nộp gửi đến Bộ Tài chính (Vụ Tài chính đối ngoại), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Quản lý lao động với nước ngoài), cơ quan Thuế địa phương và Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Hàng năm, tổ chức kinh tế phải lập các báo cáo sau:

+ Báo cáo kế hoạch năm sau trên cơ sở tình hình thực hiện 9 tháng đầu năm, trong báo cáo kế hoạch có phân tích: số lượng lao động (nam, nữ), ngành nghề, nước đến làm việc, thời hạn hợp đồng, dự kiến mức lương đạt được, dự kiến thời gian lên đường của từng hợp đồng .v.v..., trong báo cáo kế hoạch cũng đồng thời nêu các ý kiến

đề xuất kiến nghị với các cấp có thẩm quyền trong lĩnh vực hợp tác lao động.

+ Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm theo 2 chỉ tiêu lao động và thu nộp.

Các báo cáo hàng năm trên được gửi đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Quản lý lao động với nước ngoài), Bộ Tài chính (Vụ Tài chính đối ngoại), Bảo hiểm xã hội Việt Nam và cơ quan Thuế địa phương. Thời hạn gửi báo cáo theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo các nội dung quy định trên đây là nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức kinh tế để thực hiện điểm 10, mục 9 Nghị định số 7-CP ngày 20-1-1995 của Chính phủ và coi như một trong những điều kiện để cấp tiếp các loại giấy phép cho tổ chức kinh tế đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

B. MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHÁC

1. Nhằm đảm bảo quyền lợi của Nhà nước, tổ chức kinh tế và người lao động, bảo đảm tính thống nhất trong việc thực hiện các chế độ chính sách tài chính, tiền lương của người lao động ghi trong hợp đồng phải là đôla Mỹ (USD) hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi khác. Tùy theo từng trường hợp cụ thể, việc thanh toán, chi trả có thể thực hiện như sau:

- Loại tiền tệ trả lương hàng tháng do 2 bên ký kết thỏa thuận, nhưng phải được quy đổi thành đôla Mỹ (USD) theo tỷ giá Ngân hàng Nhà nước của nước sở tại công bố tại thời điểm thanh toán.

- Nếu lương trả bằng bản tệ thì trong hợp đồng cần có cam kết người lao động được quyền yêu cầu Ngân hàng nước sở tại hoặc chủ thuê lao động chuyển đổi ra đôla Mỹ (USD) toàn bộ hoặc một phần theo tỷ lệ nhất định phù hợp với yêu cầu chi tiêu ở nước đến làm việc.

2. Loại tiền thực hiện thu và nộp:

- Thu tiền đặt cọc của người lao động bằng đồng Việt Nam hoặc bằng đôla Mỹ (USD) theo thỏa thuận giữa tổ chức kinh tế và người lao động.

- Thu nộp bảo hiểm xã hội (quy định tại mục II), thu lệ phí cấp phép (quy định tại mục V) được thực hiện bằng đồng Việt Nam.

- Thu phí dịch vụ (quy định tại mục III) và thu nộp thuế thu nhập cao (quy định tại mục IV) được thực hiện bằng USD. cụ thể là:

Lấy kết quả mức thuế thu nhập cao phải nộp bằng đồng Việt Nam quy lại USD (theo tỷ giá quy đổi từ USD ra đồng Việt Nam để tính mức thuế phải nộp) để người lao động nộp bằng USD.

Khi thu thuế thu nhập cao cũng như phí dịch vụ bằng ngoại tệ, tổ chức kinh tế phải căn cứ tình hình thực tế được trả lương để thu: nếu lương được trả 100% bằng đôla Mỹ (USD) thì thu nộp bằng USD; nếu lương được trả có một phần bản tệ thì thu cả hai loại tiền (đôla Mỹ và bản tệ tương ứng với tỷ lệ loại ngoại tệ được trả trong lương hàng tháng). Tổ chức kinh tế nộp phần thu thuế thu nhập cao bằng USD cho cơ quan thu trong nước, còn phần thu bằng bản tệ nộp vào quỹ tạm giữ ngân sách Nhà nước tại Đại sứ quán Việt Nam ở nước sở tại. Tỷ lệ thu lao động hưởng của tổ chức kinh tế trong việc thực hiện thu thuế thu nhập cao cũng theo loại tiền thực thu.

3. Các tổ chức kinh tế đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức nhân thầu, khoán công trình, nhận khai thác sản xuất chia sản phẩm v.v... thì thực hiện chế độ tài chính như sau:

- Nếu người lao động được hưởng lương bằng ngoại tệ trong thời gian làm việc ở nước ngoài như các hợp đồng lao động khác do các tổ chức kinh tế đưa đi (xuất khẩu lao động) thì thực hiện theo các quy định tại Thông tư này.

- Nếu trong thời gian làm việc ở nước ngoài, người lao động chỉ được hưởng sinh hoạt phí (ăn, ở v.v... đủ điều kiện để làm việc) còn một phần tiền lương và các chế độ chính sách tài chính khác người lao động được hưởng theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam ở trong nước, thì người lao động và tổ chức kinh tế thực hiện theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước Việt Nam.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1-1-1996, riêng thuế thu nhập cao thực hiện từ ngày 1-6-1994, bãi bỏ Thông tư liên Bộ số 5-LB-TC-LDTBXH ngày 7-3-1992 hướng dẫn Nghị định số 370-HDBT, Công văn số 2599-LDTBXH ngày 25-7-1995 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn đối với lao động đi Hàn Quốc về các vấn đề khác trừ với Thông tư này.

Những chế độ chính sách về tài chính đối với người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài đã thực hiện trước ngày 1-1-1996, khi thực hiện Thông tư này nếu tổ chức kinh tế không xử

lý được thì kịp thời báo cáo liên Bộ để có ý kiến xử lý đối với từng trường hợp cụ thể.

2. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chế độ tài chính đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài quy định tại Thông tư này là một trong những nhiệm vụ quan trọng thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của các Bộ, ngành liên quan. Trong quá trình thực hiện, nếu phát hiện có sự vi phạm thì xử lý theo chế độ tài chính kế toán hiện hành của Nhà nước Việt Nam, hoặc xử lý kỷ luật hành chính, tùy theo mức độ vi phạm mà yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép đối với từng trường hợp cụ thể.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức kinh tế phản ánh về liên Bộ Tài chính - Lao động - Thương binh và Xã hội để phối hợp nghiên cứu giải quyết.

K.T. Bộ trưởng
Bộ Lao động - Thương binh
và Xã hội

K.T. Bộ trưởng
Bộ Tài chính

Thứ trưởng

Thứ trưởng

NGUYỄN LƯƠNG TRÀO PHẠM VĂN TRỌNG